



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 135 + 136

Ngày 15 tháng 12 năm 2021

## MỤC LỤC

Trang

### PHÂN VẤN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

16-11-2021-	Quyết định số 3899/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch truyền thông về hội nhập quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.	2
17-11-2021-	Quyết định số 3905/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của quận 12.	20
17-11-2021-	Quyết định số 3907/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	30
23-11-2021-	Quyết định số 3991/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.	43

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3899/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch truyền thông về hội nhập quốc tế  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;*

*Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA);*

*Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm*

2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA);

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTrHĐ/TU ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ chính trị về hội nhập quốc tế;

Căn cứ Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố tại Tờ trình số 473/TTr-VNCPT ngày 02 tháng 8 năm 2021.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch truyền thông về hội nhập quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Truyền thông về hội nhập quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Hội nhập quốc tế (HNQT) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là động lực quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Cùng với xu hướng phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, HNQT góp phần nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đang thực thi 14 Hiệp định thương mại tự do (FTA), chuẩn bị phê chuẩn 01 FTA và đang đàm phán 02 FTA với khoảng 60 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó, có FTA Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đang thực thi với mức độ cam kết sâu và rộng hơn nhiều so với các FTA trước đây. Hiện nay, Việt Nam còn là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, tham gia nhiều vị trí quan trọng trong các thể chế như Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), ASEAN, Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM),... Việc tham gia các thể chế quốc tế đang tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Vì vậy, cán bộ, công chức viên chức, doanh nghiệp và nhân dân Thành phố cần có đầy đủ thông tin và kiến thức HNQT, các cơ hội, thách thức trong các thể chế Việt Nam tham gia để hội nhập thành công.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch truyền thông về HNQT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền về HNQT, hình ảnh đất nước, con người, văn hóa Việt Nam và những thành tựu trong công cuộc

đổi mới và hội nhập của Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần quảng bá các thế mạnh của Thành phố, thu hút các nguồn lực để Thành phố phát triển nhanh và bền vững ngang tầm trong khu vực, nhất là giai đoạn phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội sau khi kiểm soát được dịch bệnh COVID-19.

- Tăng cường nâng cao nhận thức, hiểu biết cho cán bộ quản lý Nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong việc theo dõi, nắm bắt thông tin diễn biến các thể chế, điều ước quốc tế Việt Nam tham gia. Chú trọng tuyên truyền các cơ hội, thách thức, nhiệm vụ trọng yếu khi tham gia các FTA thế hệ mới trong từng ngành, từng lĩnh vực để tạo sự thống nhất chung về nhận thức và hành động trong quá trình hội nhập;

- Giúp doanh nghiệp tận dụng các ưu đãi từ các FTA đạt được trong quá trình đàm phán, đảm bảo hiệu quả thiết thực của hội nhập.

## **2. Yêu cầu**

- Kế hoạch xây dựng phải đảm bảo phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

- Hoạt động tuyên truyền phải được triển khai một cách liên tục, đồng bộ, có trọng tâm, bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng, đảm bảo hiệu ứng lan tỏa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực;

- Tăng cường sự tích cực, chủ động trong phối hợp và phân công trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan trong triển khai Kế hoạch.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Về các nhóm đối tượng**

Kế hoạch truyền thông HNQT tập trung cho các nhóm đối tượng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Cán bộ quản lý doanh nghiệp, chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, người lao động trong các ngành, lĩnh vực chịu tác động từ hội nhập;

- Cán bộ công chức, viên chức công tác trong các Sở ngành, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị-xã hội trên địa bàn Thành phố;

- Các chuyên gia, nhà nghiên cứu, đội ngũ tri thức, doanh nhân và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài trong các lĩnh vực để tham gia nghiên cứu, đánh giá các cơ hội và tác động của hội nhập mang lại cho Việt Nam và Thành phố;

- Các Trung tâm, tổ chức tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp; các tổ chức hành nghề

luật sư; các đài phát thanh, truyền hình, báo giấy, báo hình, báo nói, báo điện tử, bản tin, tạp chí (gọi chung là các cơ quan báo chí thuộc Thành phố) được cấp phép hoạt động;

- Đoàn viên, thanh niên, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp;

- Công chúng và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn Thành phố;

Trong đó, nhóm cán bộ quản lý doanh nghiệp và cán bộ, công chức viên chức được ưu tiên hàng đầu. Mỗi nhóm sẽ có phương thức truyền thông phù hợp.

## **2. Về nội dung thông tin hội nhập quốc tế**

### **2.1. Thông tin chung về hội nhập quốc tế**

- Các chủ trương, chính sách về HNQT, Hội nhập Kinh tế quốc tế (HNKTQT) của Đảng, Chính phủ và Thành phố, trong đó tập trung thông tin các nội dung cốt lõi các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Chương trình hành động, Kế hoạch triển khai các Chương trình hành động của Trung ương và Thành phố;

- Các FTA đang đàm phán hoặc đã ký kết, thực thi trong đó tập trung các FTA quan trọng như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTA Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA), FTA Việt Nam-Hàn Quốc, FTA giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu, và một số FTA khác; các thể chế khu vực và đa phương Việt Nam tham gia như Cộng đồng ASEAN, APEC, ASEM, Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại của WTO (TFA); và một số Điều ước quốc tế quan trọng khác mà Việt Nam tham gia;

- Các lễ hội, sự kiện, hoạt động nổi bật về hội nhập, đối ngoại trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, du lịch, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng tổ chức tại Việt Nam và Thành phố;

- Thông tin về tình hình kinh tế vĩ mô trong nước quốc tế, xu hướng HNKTQT, quy định pháp luật về thực thi các thể chế quốc tế Việt Nam tham gia, các chính sách của Trung ương và Thành phố hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập.

### **2.2. Thông tin chuyên sâu về hội nhập quốc tế**

Doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức cần có thông tin về hội nhập chuyên sâu để tận dụng cơ hội, hạn chế thách thức do hội nhập mang lại. Cụ thể:

a) Thông tin chuyên sâu cho doanh nghiệp

- Thông tin cụ thể về cách thức tiếp cận các thị trường, ngành hàng của các quốc

gia Việt Nam có FTA và thị trường truyền thống, thị trường có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn và có nhiều tiềm năng với Thành phố. Hướng dẫn doanh nghiệp vận dụng phương thức tiếp cận thị trường mới thông qua ứng dụng thương mại điện tử, công nghệ số;

- Thông tin hệ thống về HNKTQT và nội dung cụ thể trong các FTA Việt Nam tham gia (mở cửa thị trường hàng hóa, quy tắc xuất xứ hàng hóa, mở cửa thị trường dịch vụ - đầu tư, rào cản phi thuế quan, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, phát triển bền vững, các tiêu chuẩn trong kinh doanh,...). Phân tích làm rõ những cơ hội, rủi ro trong hội nhập, từ đó có giải pháp cụ thể giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng hiệu quả các ưu đãi thuế quan trong thực thi các FTA;

- Đánh giá cơ hội và thách thức, tác động tích cực và tiêu cực đối với nền kinh tế, nhất là đối với doanh nghiệp (lớn, vừa, nhỏ, siêu nhỏ) trên địa bàn Thành phố trong thực thi cam kết hội nhập và các FTA Việt Nam tham gia trong các thị trường/ngành hàng/sản phẩm quan trọng của Thành phố. Trong đó, tập trung các ngành dịch vụ, công nghiệp và các ngành hàng xuất khẩu truyền thống và có tiềm năng phát triển của Thành phố.

#### b) Thông tin chuyên sâu cho cán bộ, công chức, viên chức

- Thông tin hội nhập cụ thể cho từng lĩnh vực chuyên ngành, theo yêu cầu quản lý của các Sở ban ngành trong thực thi các FTA; tập trung các nội dung lao động, công đoàn, mua sắm chính phủ, môi trường... trong Hiệp định EVFTA, CPTPP;

- Các thông tin, vấn đề về HNQT, xu hướng lớn đang nổi lên tác động đến phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, lao động, môi trường cạnh tranh của Thành phố kịp thời tham mưu cho Thành phố đề xuất Trung ương có giải pháp ứng phó phù hợp với những thách thức trong hội nhập;

- Tổ chức các lớp tập huấn về thông tin về các thể chế quốc tế và cách áp dụng các cam kết trong điều ước quốc tế vào từng chuyên ngành cụ thể tại Việt Nam nhằm hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức trong các ngành, lĩnh vực cập nhật thông tin trong quá trình thực thi công tác hợp tác quốc tế;

- Các hoạt động triển khai Hiệp định Tạo thuận lợi thương mại (TFA) theo Quyết định số 1969/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, giúp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố.

### **3. Về phương thức truyền thông**

**3.1. Tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, các sự kiện**

- Tiếp tục duy trì cập nhật thông tin về diễn biến hội nhập và các sự kiện quan trọng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (đài phát thanh, đài truyền hình, báo giấy, báo hình, báo nói, báo điện tử, bản tin, trang mạng xã hội);

- Các Sở ban ngành duy trì chuyên mục HNQT trên website của đơn vị, cập nhật diễn biến các FTA và các thể chế có liên quan đến ngành/lĩnh vực quản lý;

- Xây dựng mới trang thông tin HNQT của Thành phố thành Cổng thông tin HNQT có liên kết website Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Hiệp hội doanh nghiệp. Duy trì thường xuyên các chuyên mục HNQT, vấn đề nổi bật kinh tế, đảm bảo cập nhật thông tin tình hình đàm phán, ký kết và thực thi các FTA Việt Nam tham gia, các xu hướng hội nhập trong nước và quốc tế;

- Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố tăng cường thực hiện các chương trình phóng sự định kỳ cập nhật tình hình HNQT. Tổ chức tọa đàm, thảo luận chia sẻ thông tin về các vấn đề HNKTQT giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, chuyên gia, doanh nghiệp;

- Tùy theo tình hình diễn biến các sự kiện hội nhập và lễ hội lớn của Thành phố, các Sở ban ngành và các cơ quan liên quan lựa chọn các phương thức quảng bá truyền thông phù hợp mang lại hiệu quả cao.

### **3.2. Tổ chức phổ biến thông tin chuyên sâu về hội nhập quốc tế thông qua diễn đàn, hội thảo, hội nghị, tập huấn và thực hiện các ấn phẩm**

#### **a) Tổ chức diễn đàn, hội thảo, hội nghị về hội nhập**

- Tổ chức Diễn đàn hội nhập kinh tế quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh thường niên với sự tham gia của các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức quốc tế, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội ngành hàng, chuyên gia, doanh nhân trong nước và nước ngoài; phân tích thảo luận về các vấn đề hội nhập nổi bật, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp và Thành phố trong hội nhập;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo với nhiều quy mô nhằm phổ biến các nội dung quan trọng trong các FTA và thể chế quốc tế Việt Nam tham gia giúp doanh nghiệp và cán bộ công chức, viên chức thành phố thực thi hiệu quả các FTA;

- Tổ chức hội thảo chuyên đề, hội thảo khoa học liên quan hội nhập trong các lĩnh vực, ngành hàng Thành phố quan tâm phát triển, phân tích làm rõ các nội dung hội nhập, tham mưu chính sách giải pháp cho các cấp chính quyền Thành phố, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững;

- Tiếp tục tổ chức Hội nghị, tập huấn phổ biến thông tin kiến thức về HNKTQT



và HNQT cho các cấp chính quyền quận huyện, Sở ban ngành theo nhu cầu;

- Đẩy mạnh áp dụng các hình thức tổ chức diễn đàn, hội thảo trực tuyến (như Zoom, Google Meeting,...), sử dụng các file ghi hình từ diễn đàn, hội thảo làm tài liệu tuyên truyền đăng trên các website của các sở ngành, quận huyện.

b) Tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu

- Duy trì tổ chức các lớp, khóa tập huấn chuyên sâu về HNQT cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố. Xây dựng chương trình bồi dưỡng riêng dành cho cán bộ công chức, viên chức làm công tác HNQT về các vấn đề thể chế quốc tế, pháp luật, giải quyết tranh chấp, thực thi các FTA...

- Tổ chức các lớp, khóa tập huấn chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng hội nhập cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ về các nội dung quan trọng như: thương mại hàng hóa, dịch vụ - đầu tư, quy tắc xuất xứ, tiếp cận thị trường, ngành hàng, sở hữu trí tuệ, phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPS), lao động, phát triển bền vững... giúp doanh nghiệp khai thác hiệu quả các cơ hội từ các thị trường Việt Nam có FTA;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ thông tin chuyên sâu về hội nhập theo nhu cầu của các Hiệp hội doanh nghiệp, Hội ngành hàng và doanh nghiệp;

- Tổ chức các chương trình, hoạt động với chủ đề phù hợp theo nhu cầu cho phóng viên, nhà báo, luật sư, giảng viên, sinh viên... góp phần tạo sự thống nhất trong nhận thức và hiểu biết về các vấn đề hội nhập.

c) Thực hiện các ấn phẩm về hội nhập

Dựa theo nhu cầu thực tiễn và yêu cầu phổ biến thông tin hội nhập, tổ chức xây dựng các ấn phẩm như: chuyên đề, cẩm nang, sách hỏi - đáp, bản tin, brochure, tài liệu giới thiệu, nghiên cứu... về các thị trường trong các FTA, các nội dung hội nhập cung cấp cho các đối tượng liên quan, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về hội nhập.

d) Thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu

Chủ động thực hiện các nghiên cứu đánh giá tác động thực thi các vấn đề hội nhập, các FTA Việt Nam tham gia đối với các lĩnh vực/ngành hàng của Thành phố, tham mưu các cơ chế chính sách và giải pháp giúp Thành phố và doanh nghiệp hội nhập thành công.

#### **4. Kinh phí thực hiện**

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo quy định hiện hành. Khuyến khích thực hiện xã hội hóa trên cơ sở huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các tổ chức trong nước và nước ngoài.

- Căn cứ Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể, dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện.

- Kinh phí sẽ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các Sở ban ngành, địa phương theo phân cấp nhà nước hiện hành.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc Thành phố có liên quan**

- Chủ động xây dựng các nội dung hoạt động hàng năm, phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố) tổ chức triển khai hiệu quả các hoạt động trong Kế hoạch;

- Các Sở ban ngành liên hệ chặt chẽ với các Bộ ngành theo ngành dọc để cập nhật và phối hợp triển khai các Chiến lược, Kế hoạch HNQT và hoạt động thông tin hội nhập trong ngành;

- Chủ động và phối hợp triển khai thường xuyên các hoạt động thông tin HNQT cho các đối tượng có liên quan theo lĩnh vực quản lý. Duy trì chuyên mục HNQT trên website của đơn vị để cung cấp thông tin liên quan hội nhập trong ngành.

#### **2. Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố)**

- Đầu mối thu thập, hệ thống hóa và xử lý thông tin HNQT; liên hệ Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và các Ban Chỉ đạo liên ngành cung cấp thông tin cho các cơ quan truyền thông theo nhu cầu, chịu trách nhiệm về nguồn thông tin cung cấp;

- Chủ trì hoặc phối hợp các cơ quan chức năng và các đơn vị tổ chức diễn đàn, hội nghị, hội thảo chuyên đề, hội thảo khoa học về các chủ đề hội nhập; tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và đối tượng khác có nhu cầu theo kế hoạch;

- Xây dựng mới hoặc nâng cấp website về HNQT của Thành phố Hồ Chí Minh; chịu trách nhiệm phối hợp các đơn vị triển khai thực hiện các ấn phẩm có liên quan hội nhập;

- Chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu thông tin và thúc đẩy triển khai kế hoạch được duyệt; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các cơ quan đơn vị; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết và bổ sung những nội dung, nhiệm vụ cụ thể cho Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Hướng dẫn các cơ quan truyền thông đại chúng đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về HNQT. Theo dõi, giám sát việc thực hiện thông tin, tuyên truyền của các cơ quan truyền thông đảm bảo thường xuyên cập nhật nội dung các chủ trương, chính sách về hội nhập, tình hình diễn biến thực thi các FTA Việt Nam tham gia;

- Phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển và các đơn vị có liên quan thực hiện cung cấp thông tin để hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và thường xuyên cập nhật nội dung các chủ trương, chính sách về hội nhập, tình hình thực thi các FTA Việt Nam tham gia.

### **4. Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ**

- Sở Ngoại vụ chủ trì cung cấp thông tin về HNQT trong lĩnh vực phụ trách cho Ban Chỉ đạo của Thành phố Hồ Chí Minh về Hội nhập quốc tế. Phối hợp các Sở ban ngành và các đơn vị tổ chức các sự kiện, lễ hội trong đó lồng ghép các thông tin tuyên truyền về hội nhập;

- Phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố) và Sở ban ngành tổ chức các chương trình tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng HNQT cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố.

### **5. Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố**

Phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố) và các đơn vị tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến cho các doanh nghiệp về nội dung trong các FTA Việt Nam tham gia, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, các văn bản chính sách mới có liên quan đến hoạt động và lợi ích của doanh nghiệp trong quá trình hội nhập.

### **6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cam kết lao động trong các điều ước quốc tế Việt Nam tham gia, quy định của pháp luật Việt Nam về lao động cho doanh nghiệp, người lao động;

- Cung cấp các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa và tiến bộ tại doanh nghiệp khi hội nhập quốc tế.

- Chủ trì phối hợp Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Sở ban ngành và các đơn vị liên quan tổ chức các chương trình về HNQT trong lĩnh vực phụ trách.

### **7. Sở Văn hóa và Thể thao**

Phối hợp Sở ban ngành xây dựng và lồng ghép các hoạt động HNQT trong quá trình triển khai chiến lược bảo tồn, phát huy và quảng bá văn hóa của Thành phố. Chủ động nâng cao hiệu quả quản lý nội dung sản phẩm văn hóa, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn sự xâm nhập của những sản phẩm văn hóa không lành mạnh trong quá trình hội nhập.

### **8. Sở Tài chính**

Phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố) và các đơn vị liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí ngân sách thực hiện Kế hoạch truyền thông về HNQT trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 trong kinh phí ngân sách hoạt động hàng năm của các đơn vị theo quy định hiện hành về ngân sách Nhà nước.

Trên đây là Kế hoạch truyền thông về Hội nhập quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai; báo cáo kết quả thực hiện về Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố) định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu thấy cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch, các Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các đơn vị liên quan chủ động kiến nghị Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế Thành phố) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**PHỤ LỤC**  
**HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ T**  
**RÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

<b>T T</b>	<b>Nội dung và phương thức triển khai</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm đầu ra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
<b>I. Các hoạt động truyền thông về hội nhập quốc tế</b>						
1	Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, trang thông tin điện tử, đài truyền hình, đài phát thanh, truyền thanh cấp quận, huyện...) về các sự kiện hoạt động hội nhập quan trọng của Việt Nam và TP.HCM.	Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và các cơ quan báo chí Thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ	Tin, bài trên các báo đài	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
2	Duy trì nâng cấp các chuyên trang, chương trình truyền hình, truyền thanh về thông tin HNQT. Tổ chức tọa đàm, thảo luận, chia sẻ thông tin về các vấn đề HNKTQT giữa cơ quan quản lý Nhà nước, chuyên gia, doanh nghiệp. Thực hiện chương trình, phóng sự định kỳ về tình hình hội nhập quốc tế, đối ngoại.	Đài Truyền hình Thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố và các cơ quan báo chí Thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Tọa đàm, Phóng sự, Tin, bài trên các chuyên mục của báo đài	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước

T T	Nội dung và phương thức triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
3	Tiếp tục duy trì và nâng cấp các chuyên mục hội nhập trên các trang thông tin các Sở ngành, quận, huyện, TP. Thủ Đức và báo chí.	Các Sở, ngành, UBND thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Tin, bài trên website	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
4	Tiếp tục duy trì trang thông tin về HNQT tại địa chỉ <a href="http://www.hoinhap.org.vn">www.hoinhap.org.vn</a> . Nghiên cứu xây dựng Cổng thông tin HNQT của Thành phố có liên kết website Sở ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận huyện, Hiệp hội doanh nghiệp.	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Ngoại vụ, Sở Công Thương, Hiệp hội DN	Tin, bài trên website	2021-2022	Ngân sách nhà nước
5	Lồng ghép tổ chức các hoạt động tuyên truyền thông tin về những thành tựu hội nhập phát triển của TP.HCM, giới thiệu hình ảnh, văn hóa, con người, chủ trương chính sách phát triển của thành phố đến người dân và bạn bè quốc tế trong các sự kiện lễ hội lớn.	Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa-Thể thao, Sở Du lịch, Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	Các Sở ngành liên quan, các cơ quan báo chí	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
6	Xây dựng và duy trì tài khoản riêng trên trang mạng xã hội như Facebook... cập nhật kịp thời thông tin chính thức về HNQT, các FTA Việt Nam tham gia, diễn biến thị	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế), Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	Các Sở ngành liên quan, các cơ quan báo chí	Tin, bài trên trang mạng xã hội	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước

<b>T T</b>	<b>Nội dung và phương thức triển khai</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm đầu ra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
	trường, ngành hàng, hoạt động HNQT của TP.HCM... để nâng cao nhận thức của cộng đồng trên mạng xã hội, trọng tâm là doanh nghiệp.					
7	Xây dựng và duy trì Bản tin hội nhập giới thiệu và cập nhật thông tin hội nhập phục vụ cho Sở ngành và doanh nghiệp.	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Các Sở ngành liên quan, các cơ quan báo chí	Bản tin hội nhập	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
8	Truyền thông tại các hội nghị tuyên truyền, giao ban, hội nghị tổng kết công tác, triển khai nhiệm vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố về thông tin chủ trương, chính sách về HNQT của Đảng, Chính phủ và Thành phố, cập nhật diễn biến và hội nhập trong và ngoài nước.	Sở Thông tin và Truyền thông	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế), các sở ban ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
9	Tổ chức triển khai các chương trình xúc tiến thương mại - đầu tư (trực tiếp và/hoặc trực tuyến) vào các thị trường Việt Nam có FTA, giúp doanh nghiệp thành phố mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút nguồn lực đầu tư nước ngoài.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	Sở Công Thương, ITPC, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội ngành hàng, Sở, ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
10	Triển khai hiệu quả Kế hoạch số		Các Sở ngành,	Báo cáo	Thường	Ngân

<b>T T</b>	<b>Nội dung và phương thức triển khai</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm đầu ra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
	4120/KH-UBND ngày 27/10/2020 về thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	UBND thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Hiệp hội DN, Hội ngành hàng	kết quả thực hiện	xuyên	sách nhà nước
<b>II. Các hoạt động chuyên sâu hội nhập quốc tế</b>						
1	Tập huấn hoặc đào tạo (trực tiếp và/hoặc trực tuyến) chuyên sâu về kiến thức, kỹ năng HNQT cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn (các thể chế quốc tế, pháp luật, giải quyết tranh chấp, FTA...)	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Các Sở ngành, UBND thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
2	Xây dựng, tổ chức chương trình đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng dành riêng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập của thành phố	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Các Bộ ngành, Sở ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
3	Tổ chức các hội nghị phổ biến những nội dung trọng tâm về các FTA Việt Nam tham gia cho các Hội ngành nghề và doanh nghiệp của Thành phố	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế), Sở Công Thương	Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan và Hội ngành hàng	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước



<b>T T</b>	<b>Nội dung và phương thức triển khai</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm đầu ra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
4	Tập huấn hoặc đào tạo chuyên sâu (trực tiếp và/hoặc trực tuyến) về kiến thức, kỹ năng hội nhập cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ về các nội dung quan trọng như thương mại hàng hóa, thương mại, dịch vụ đầu tư, quy tắc xuất xứ, tiếp cận thị trường, sở hữu trí tuệ, TBT, SPS, TFA, lao động, phát triển bền vững...	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
5	Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong các FTA mà Việt Nam tham gia	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Bộ Công Thương, các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Theo nhu cầu	Xã hội hóa
6	Tổ chức Diễn đàn, Hội thảo, Hội thảo khoa học, Hội nghị, Tọa đàm (trực tiếp và/hoặc trực tuyến) về các vấn đề HNKTQT, CMCN 4.0, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất, chuyên đổi số, phát triển bền vững, hỗ trợ doanh nghiệp... giúp thành phố và doanh nghiệp hội nhập hiệu quả.	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế), Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố	Các Bộ ngành, Sở ngành, Hội ngành hàng liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước

T T	Nội dung và phương thức triển khai	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
7	Xây dựng các ấn phẩm (chuyên đề, cẩm nang, sách hỏi-đáp, brochure, tài liệu giới thiệu, nghiên cứu) về các FTA Việt Nam tham gia, thông tin về yêu cầu kỹ thuật, quy tắc xuất xứ, quy định thị trường, ngành hàng, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, phát triển bền vững, tạo thuận lợi thương mại... trong các FTA để cung cấp cho các đối tượng liên quan.	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế), Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư	Các Sở ngành, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội ngành hàng, UBND thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Các ấn phẩm, cẩm nang, tài liệu	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
8	Nghiên cứu đánh giá tác động thực thi các vấn đề hội nhập, các FTA Việt Nam tham gia đối với kinh tế - xã hội Thành phố, tham mưu giải pháp tận dụng cơ hội hạn chế thách thức trong quá trình hội nhập.	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Các Bộ ngành, Sở ngành, Hiệp hội DN, Hội ngành hàng	Sản phẩm nghiên cứu, giải pháp	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
9	Nghiên cứu cơ hội tiếp cận thị trường theo các ngành hàng, lĩnh vực cụ thể trong các FTA Việt Nam tham gia, tham mưu giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp thành phố phát triển xuất khẩu	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Các Bộ ngành, Sở ngành, Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội ngành hàng	Sản phẩm nghiên cứu, giải pháp	Thường xuyên	Ngân sách nhà nước
10	Tổ chức nghiên cứu, thúc đẩy các hoạt động hội nhập trong các lĩnh	Các Sở, ngành trong các lĩnh vực phụ trách	Viện Nghiên cứu phát triển	Báo cáo nghiên cứu	2022-2023	Ngân sách nhà

<b>T T</b>	<b>Nội dung và phương thức triển khai</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Sản phẩm đầu ra</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
	vực văn hóa, giáo dục, công nghệ, ...		(Trung tâm Hội nhập quốc tế), các đơn vị liên quan			nước
11	Tổ chức nghiên cứu, phối hợp tổ chức thí điểm cơ chế chính sách các vấn đề mới trong các FTA thế hệ mới Việt Nam tham gia (lao động, công đoàn...)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Liên đoàn lao động Thành phố	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế), các Bộ ngành, Sở ngành, Hội ngành hàng, UBND thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Báo cáo kết quả thực hiện	2022	Ngân sách nhà nước
12	Tổ chức các hoạt động liên kết giữa Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế TP.HCM với Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế, các Bộ ngành, các tỉnh trong Vùng thông qua việc hợp tác nghiên cứu, đào tạo và tổ chức các sự kiện về HNQT.	Viện Nghiên cứu phát triển (Trung tâm Hội nhập quốc tế)	Các Sở ngành, Hiệp hội DN, các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2022	Ngân sách nhà nước

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3905/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021**  
**của quận 12**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2015; Nghị quyết số 20/ NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015; Nghị quyết số 122/ NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016; Nghị quyết số 10/ NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; Nghị quyết số 32/ NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 33/ NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh*

*Minh về thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 12 tại Tờ trình 4810/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5914/TTr-STNMT-QLĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Công văn 6775/STNMT-QLĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 12 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+...	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN (1+2+3)</b>		<b>5.273,93</b>	<b>875,34</b>	<b>543,66</b>	<b>518,74</b>	<b>421,82</b>	<b>583,99</b>	<b>261,87</b>	<b>971,08</b>	<b>255,95</b>	<b>271,08</b>	<b>180,57</b>	<b>389,83</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>1.004,18</b>	<b>146,75</b>	<b>73,61</b>	<b>138,07</b>	<b>60,87</b>	<b>84,75</b>	<b>19,58</b>	<b>407,13</b>	<b>15,72</b>	<b>3,81</b>	<b>8,98</b>	<b>44,91</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA												
	<i>- Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	985,70	144,16	60,87	138,07	58,28	84,75	19,91	407,25	15,73	3,39	8,98	44,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN												
1.4	Đất trồng rừng sản xuất	RSX												
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH												
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	18,48	2,59	12,74		2,59		-0,33	-0,11	-0,01	0,42		0,59
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH												
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.269,75</b>	<b>728,60</b>	<b>470,06</b>	<b>380,67</b>	<b>360,95</b>	<b>499,24</b>	<b>242,29</b>	<b>563,95</b>	<b>240,23</b>	<b>267,27</b>	<b>171,59</b>	<b>344,91</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	111,01		18,57		7,64					81,52	3,28	
2.2	Đất an ninh	CAN	4,38	0,49		0,26			2,69		1,04	0,73		0,27
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	28,00		28,00									
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	27,56	1,41	3,43	0,92	1,38	3,07	5,03		0,76	9,13	0,55	1,89
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	274,10	57,26	46,86	38,17	6,45	5,00	9,54	5,75	14,88	6,53	1,68	81,99

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+...	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện, xã	DHT	1.067,01	110,36	89,50	96,48	158,29	113,29	55,73	173,95	81,04	69,22	48,19	70,97
2.10	Đất di tích lịch sử -văn hóa	DDT	0,06											0,06
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.12	Đất bãi thải xử lý chất thải	DRA	0,43	0,30						0,13				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT												
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	2.468,59	448,45	272,46	211,20	172,65	323,46	159,70	365,58	135,69	95,79	108,43	175,17
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,28	0,68	1,26	4,33	1,84	0,99	1,74	1,13	2,42	1,16	0,42	1,31
2.16	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	DTS	10,19		0,47	0,09	5,89	3,50		0,24				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	15,66	2,21	1,97	1,20	0,32	2,16	1,21	1,22	0,86	0,23	1,25	3,03
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	31,18	0,06	6,39	4,57	5,42	0,44	5,78	1,05	1,30	0,66	1,60	3,90
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,74	0,25	0,34	0,16	0,14	0,10	0,11	0,33	0,03	0,10	0,14	0,04
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	17,87	3,09	0,78	2,17	0,17	0,17	0,19		1,89	1,91	5,78	1,71
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,96	0,75	0,02	0,15	0,77	0,59	0,57	1,76	0,30	0,28	0,28	0,49
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch,	SON	187,66	103,31		20,96		46,48		12,81	0,02			4,08

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+...	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	suối													
2.25	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC												
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK												
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>												
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>	<b>KCN</b>												
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>	<b>KKT</b>												
<b>6</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>KDT</b>	<b>5.273,93</b>	<b>875,34</b>	<b>543,66</b>	<b>518,74</b>	<b>421,82</b>	<b>583,99</b>	<b>261,87</b>	<b>971,08</b>	<b>255,95</b>	<b>271,08</b>	<b>180,57</b>	<b>389,83</b>

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

LUA\*\*: Theo số liệu thống kê đất đai năm 2019, trên địa bàn quận 12 không còn diện tích đất trồng lúa, nhưng theo hiện trạng thể hiện trên GCNQSDĐ của người dân vẫn còn đất trồng lúa do quá trình sử dụng đã thay đổi mục đích sử dụng nhưng không cập nhật biến động đất đai trên GCNQSDĐ, và số liệu này không tính vào tổng diện tích tự nhiên trong KHSDĐ.



2. Diện tích thu hồi đất năm 2021:

ST T	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Phú Đông	Phường Hiệp Thành	Phường Thới An	Phường Tân Chánh Hiệp	Phường Thạnh Lộc	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thạnh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Hưng Thuận	Phường Tân Thới Nhất
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>36,88</b>		<b>1,67</b>	<b>3,70</b>	<b>14,92</b>	<b>0,05</b>	<b>1,33</b>	<b>12,53</b>				<b>2,68</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA												
	- Đất chuyên trồng lúa nước	LUC												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	36,88		1,67	3,70	14,92	0,05	1,33	12,53				2,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN												
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>24,70</b>		<b>0,96</b>	<b>4,11</b>	<b>11,99</b>	<b>1,48</b>	<b>0,53</b>	<b>3,81</b>	<b>0,08</b>	<b>0,20</b>		<b>1,54</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP												
2.2	Đất an ninh	CAN												
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.4	Đất khu chế xuất	SKT												
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN												
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD												
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,58						0,02					0,56
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS												
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,01					0,01						
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT												
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.12	Đất bãi thải xử lý chất thải	DRA												



1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,53						0,33	0,19	0,01		
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN											
1.9	Đất nông nghiệp khác	PNK/PNN											
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>												
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi NN</b>		<b>32,56</b>	<b>0,37</b>	<b>2,66</b>	<b>4,51</b>	<b>11,99</b>	<b>1,80</b>	<b>0,53</b>	<b>7,19</b>	<b>0,44</b>	<b>0,20</b>	<b>2,87</b>
3.1	Đất an ninh chuyển sang đất hạ tầng	CAN/DHT											
3.2	Đất an ninh chuyển sang đất ở đô thị	CAN/ODT											
3.3	Đất sản xuất kinh doanh chuyển sang đất phát triển hạ tầng	SKC/DHT	0,58						0,02				0,56
3.4	Đất sản xuất kinh doanh chuyển sang đất ở đô thị	SKC/ODT	2,96		1,70			0,11		0,42	0,26		0,47
3.5	Đất sản xuất kinh doanh chuyển sang đất thương mại, dịch vụ	SKC/TMD	0,37	0,37									
3.6	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất bãi thải, xử lý chất thải	DHT/DRA											
3.7	Đất phát triển hạ tầng chuyển sang đất trụ sở cơ quan	DHT/TSC	0,26			0,11					0,10		0,05
3.8	Đất ở chuyển sang đất bãi thải, xử lý chất thải	ODT/DRA											
3.9	Đất ở chuyển sang đất phát triển hạ tầng	ODT/DHT	24,96		0,95	3,88	11,99	1,47	0,39	4,21	0,08	0,20	1,79
3.10	Đất trụ sở cơ quan chuyển sang đất phát triển hạ tầng	TSC/DHT	0,01							0,01			
3.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa chuyển sang đất phát triển hạ tầng	NTD/DHT	0,35		0,01	0,22			0,12				
3.12	Đất sông suối chuyển sang đất bãi thải, xử lý chất thải	SON/DRA	3,07			0,30		0,22		2,55			

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác  
 - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 2021: Quận 12 không còn đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân quận 12:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được duyệt vào Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 và tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ thống nhất.

- Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, thị trấn.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Chịu trách nhiệm về danh mục hộ gia đình, cá nhân đăng ký kế hoạch sử dụng đất và tính pháp lý, vị trí, ranh giới, diện tích thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và không khiếu nại; chịu trách nhiệm về đề xuất tiếp tục đăng ký các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với các dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất từ năm 2018 trở về trước.

- Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân quận 12 có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận 12 và các sở ngành có liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định này;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện báo cáo kết quả kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Các Sở, Ban, Ngành có liên quan: Phối hợp và chủ động thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ đảm bảo kế hoạch sử dụng đất được triển khai thực hiện hiệu quả.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3907/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6994/TTr-STNMT-PC ngày 01 tháng 11 năm 2021 về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Để thực hiện Luật Bảo vệ môi trường kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

a) Tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm công tác bảo vệ môi trường để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường;

b) Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả;

c) Xác định trách nhiệm của các Sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trong việc phối hợp, tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Yêu cầu**

a) Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn trong việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

b) Nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; phường, xã, thị trấn đảm bảo chất lượng, tiến độ hoàn thành công việc.

c) Có lộ trình thực hiện cụ thể, để khi Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành được triển khai thi hành đồng bộ, thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Thường xuyên, kịp thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Bảo vệ môi trường

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và từng đối tượng trên địa bàn (thông qua lồng ghép chuyên đề trong các hội nghị, lớp tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật mới theo kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật).

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; phường, xã, thị trấn.

- *Thời gian thực hiện:* Quý IV/2021 và các năm tiếp theo.

Phân công cơ quan chủ trì thực hiện:

#### a) Trường hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội nghị trực tuyến

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hội nghị trực tuyến mở rộng để các Sở, ngành, thành phố Thủ Đức và quận, huyện; các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn Thành phố cùng tham dự Hội nghị trực tuyến do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.



- *Cơ quan phối hợp*: Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố, Đài Truyền hình Thành phố, các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương.

b) Trường hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội nghị trực tiếp

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường đầu mối phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức phổ biến, tập huấn Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của ngành tài nguyên và môi trường (mời báo cáo viên là Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- *Cơ quan thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp*: Các Sở, ngành; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường đến các tổ chức, doanh nghiệp trong khu thuộc thẩm quyền quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường đến tổ chức, doanh nghiệp và công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn; đồng thời, chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức thông tin, truyền thông về các quy định của Luật Bảo vệ môi trường rộng rãi đến người dân trên địa bàn.

e) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thông tin, tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường đến các hội viên, đoàn viên và người dân trên địa bàn Thành phố.

## **2. Tổ chức rà soát văn bản pháp luật**

Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường theo lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công (thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh); thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

- *Cơ quan chủ trì*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp*: Các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

- *Thời gian thực hiện*: Quý IV/2021 và các năm tiếp theo.

### **3. Xây dựng, ban hành văn bản pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường**

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường theo nội dung tại Danh mục kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 (Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 về Danh mục văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, bảo đảm triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường).

- *Cơ quan thực hiện và tiến độ thực hiện*: theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố (*đính kèm Phụ lục*).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc Sở ngành và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

Định kỳ tổng hợp, báo cáo các vấn đề khó khăn, vướng mắc khi triển khai thi hành Luật bảo vệ môi trường tại Thành phố để kiến nghị đến cấp có thẩm quyền giải quyết.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Bảo vệ môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn Sở ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện lập dự toán, quyết toán kinh phí theo quy định pháp luật.

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện trong phạm vi, chức năng, quyền hạn chủ động xây dựng kế hoạch hoặc ban hành văn bản phân công triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường tại cơ quan, địa phương mình phù hợp với thực tiễn; đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3907/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Hình thức văn bản	Tên trích yếu nội dung	Văn bản quy phạm pháp luật trung ương giao quy định chi tiết	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình*
01	Quyết định	Ban hành Quy định về việc khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm c Khoản 5 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 <i>(có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)</i>	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
02	Quyết định	Ban hành Quy định về việc khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm b Khoản 6 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 <i>(có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)</i>	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*

		Minh				
03	Quyết định	Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm c Khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
04	Quyết định	Ban hành Quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế và quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 6 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Y tế; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
05	Quyết định	Ban hành Quy định về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 6 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
06	Quyết định	Ban hành Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và	Khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*

		đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại một trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh			thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	
07	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 7 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
08	Quyết định	Ban hành Quy định về việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt khác quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 2 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
09	Quyết	Ban hành Quy định về	Khoản 6 Điều 75	Sở Tài nguyên	Các Sở, ban,	Theo Quyết định số

	định	việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 <i>(có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)</i>	và Môi trường	ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
10	Quyết định	Ban hành Quy định về thời gian, tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 <i>(có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)</i>	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài nguyên và Môi trường; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
11	Quyết định	Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 <i>(có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*

12	Quyết định	Ban hành Quy định về yêu cầu kỹ thuật, thời gian và tuyến đường hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm c Khoản 5 Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
13	Quyết định	Ban hành Quy định về thời gian và tuyến đường hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 3 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận-huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
14	Quyết định	Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm b Khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*



15	Quyết định	Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm c Khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
16	Quyết định	Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm d Khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*

17	Quyết định	Ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 5 Điều 102 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện	Theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08/6/2021*
----	------------	--	---	-----------------------------	---	---

\* **Thời hạn trình:** Thực hiện theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. *Trường hợp, đề nghị điều chỉnh thời điểm trình ban hành văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo có văn bản gửi Sở Tư pháp nêu rõ lý do, giải pháp, thời hạn thực hiện để Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./*

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3991/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3315/TTr-SQHKT ngày 03 tháng 11 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 06 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

<b>Stt</b>	<b>Tên quy trình nội bộ</b>
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp
4	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
6	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

**QUY TRÌNH****Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	02	Bản chính
3	Văn bằng giáo dục đại học do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với nội dung chứng chỉ đề nghị cấp; đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam	01	Bản sao có chứng thực
4	Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai	01	Bản sao có chứng thực
5	Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài	01	Bản sao có chứng thực
6	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực	01	Bản sao có chứng thực

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Lệ phí</b>
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, địa chỉ: 168 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	15 ngày (tương đương 11 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>300.000 đ</b> (Ba trăm nghìn đồng) Theo Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/10/2016)

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	0,5 ngày làm việc (Giờ hành chính)	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Tiếp nhận, Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp nội dung điều chỉnh, bổ sung rõ ràng, chính xác, đầy đủ theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B2	<b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	01 ngày làm việc (đối với hồ sơ không cần điều chỉnh bổ sung)	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả /văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc) tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</li> <li>- Chuyên viên xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung và <b>thực hiện tiếp B3.1-B3.4.</b></li> <li>+ Trường hợp hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung: tham mưu và <b>thực hiện tiếp B4</b></li> </ul>
			0,5 ngày làm việc (đối với hồ sơ cần điều chỉnh)		
B3	<b>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ</b>				
B3.1	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy vào văn bản dự thảo
B3.2	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Sở xem xét, ký ban hành văn bản
B3.3	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo Văn bản yêu cầu bổ sung	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển văn bản yêu cầu bổ sung cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				và hồ sơ liên quan	
B3.4	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		Mục I, BM 01 Văn bản kết quả và hồ sơ liên quan	- Thông báo cho cá nhân nhận văn bản, lưu hồ sơ và chờ bổ sung, sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cá nhân không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ sẽ được chuyển cho bộ phận lưu trữ lưu hồ sơ. - Khi cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo yêu cầu thì <b>thực hiện quy trình từ B1.</b>
B4	<b>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, đủ điều kiện</b>				
B4.1	<b>Thẩm định, xét duyệt</b>	Hội đồng xét cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề Kiến trúc	02 ngày làm việc	Lập biên bản kết quả đánh giá hồ sơ	Chuyên viên trình hồ sơ cá nhân có yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề để các Thành viên Hội đồng xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ
B4.2	<b>Dự thảo Quyết định và chứng chỉ hành nghề kiến trúc</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	3,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Chuyên viên thụ lý dự thảo Quyết định và chứng chỉ hành nghề kiến trúc trình lãnh đạo phòng ký nháy
B4.3	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	01 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo	Lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy vào Quyết định và chứng chỉ hành nghề

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	kiến trúc
B4.4	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	2,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Quyết định và chứng chỉ hành nghề kiến trúc
B4.5	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển hồ sơ/chứng chỉ cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B4.6	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả: - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)

3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc
6	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... .., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP/GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân:  
Số ..... ngày cấp: ..... nơi cấp .....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại:..... Địa chỉ Email: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành)*: .....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp / gia hạn chứng chỉ hành nghề: ..... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):  
Số Chứng chỉ: ..... ngày cấp ..... nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....
11. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: ... Nhóm dự án/: ..... Loại công trình: ..... Chức danh/Nội dung công	

			thực hiện: .....	
			2.....	
2				

## 12. Quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục (điểm CPD)\*

STT	Thời gian	Hoạt động Phát triển nghề nghiệp liên tục	Điểm CPD	Ghi chú
1	Năm.....	Viết bài trên tạp chí kiến trúc số .....	01	
2	Năm.....	Tham gia học cao học	01	
		<b>Tổng số điểm CPD tích lũy</b>	<b>20</b>	

**Đề nghị cấp / gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Xác nhận của cơ quan,  
tổ chức, đơn vị công tác<sup>(2)</sup>**  
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày .... / .... / .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC****Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:**

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động kiến trúc trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiến trúc và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

*(trang 4)*CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN  
TRÚC**

Số: .....

**Cấp cho: Ông (bà)**  
.....*(Ban hành theo Quyết định số:...  
ngày....)**(trang 1)***THÔNG TIN CÁ NHÂN**ảnh 4x6  
của người  
được cấp  
chứng chỉ.....  
*Chữ ký của người được  
cấp chứng chỉ*

Họ và Tên: .....

Ngày tháng năm sinh .....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu: .....

cấp ngày .../.../..... tại.....

Quốc tịch: .....

Cơ sở đào tạo: .....

Hệ đào tạo: .....

Trình độ chuyên môn: .....

*(trang 2)*

Nội dung được phép hành nghề kiến trúc

STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn
1		Từ ..... đến.....
T		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		

Tỉnh/Thành phố, ngày.../.../.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ***(Ký, họ và tên, đóng dấu)**(trang 3)*

**QUY TRÌNH****Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

**(Do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân  
được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11. năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	02	Bản chính
3	Chứng chỉ hành nghề đã được cấp và giấy tờ chứng minh thông tin cần thay đổi	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, địa chỉ: 168 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	05 ngày (tương đương 04 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>150.000 đ</b> <i>(Một trăm, năm mươi nghìn đồng)</i> Theo Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/10/2016)

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	0,5 ngày	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	<b>Tiếp nhận, Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	làm việc (Giờ hành chính)	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp nội dung điều chỉnh, bổ sung rõ ràng, chính xác, đầy đủ theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> </ul>
B2	<b>Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Chứng chỉ</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	1,5 ngày làm việc	Mục I. BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Đối chiếu với hồ sơ gốc; Dự thảo chứng chỉ hành nghề kiến trúc.</li> </ul>
B3	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày làm việc	Mục I. BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy vào chứng chỉ



<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B4	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Sở xem xét ký cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
B5	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển hồ sơ/chứng chỉ cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B6	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả: - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên Biểu mẫu</b>
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên Biểu mẫu</b>
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc
6	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng ..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân:  
Số.....ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại:.....Địa chỉ Email: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....
9. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):  
Số Chứng chỉ:.....ngày cấp ..... nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....

**Đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:**

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:.....

- Chứng chỉ bị mất, hỏng, rách
- Sai thông tin trên chứng chỉ:
- Khác: .....

Xin điều chỉnh thông tin ghi trên chứng chỉ:

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

<p><b>Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động kiến trúc trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.</li> <li>2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiến trúc và các pháp luật khác có liên quan.</li> <li>3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.</li> <li>4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.</li> <li>5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol> <p style="text-align: center;"><i>(trang 4)</i></p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----</p> <p style="text-align: center;"><b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC</b></p> <p>Số: .....</p> <p style="text-align: center;"><b>Cấp cho: Ông (bà)</b> .....</p> <p style="text-align: center;"><i>(Ban hành theo Quyết định số:... ngày...)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 1)</i></p>																														
<p style="text-align: center;"><b>THÔNG TIN CÁ NHÂN</b></p> <div style="border: 1px solid black; width: 100px; height: 100px; margin-left: 10px; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <p style="font-size: small; text-align: center;">ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ</p> </div> <p style="margin-left: 100px;">..... <i>Chữ ký của người được cấp chứng chỉ</i></p> <p>Họ và Tên: .....</p> <p>Ngày tháng năm sinh .....</p> <p>Số CMND/CCCD/hộ chiếu: ..... cấp ngày .../.../..... tại.....</p> <p>Quốc tịch: .....</p> <p>Cơ sở đào tạo: .....</p> <p>Hệ đào tạo: .....</p> <p>Trình độ chuyên môn: .....</p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 2)</i></p>	<p>Nội dung được phép hành nghề kiến trúc</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 50%;">Lĩnh vực hành nghề</th> <th style="width: 40%;">Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td>Từ ..... đến.....</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>8</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">Tỉnh/Thành phố, ngày.../.../..... <b>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ</b> <i>(Ký, họ và tên, đóng dấu)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 3)</i></p>	STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn	1		Từ ..... đến.....	T			3			4			5			6			7			8			9		
STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn																													
1		Từ ..... đến.....																													
T																															
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															
8																															
9																															



**QUY TRÌNH****Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Bản gốc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp	01	Bản chính

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, địa chỉ: 168 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	10 ngày (tương đương 07 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>Không có</b>

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	0,5 ngày làm việc (Giờ hành chính)	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Tiếp nhận, Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp nội

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
					<p>dùng điều chỉnh, bổ sung rõ ràng, chính xác, đầy đủ theo BM 02.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> </ul>
B2	<b>Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Chứng chỉ</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	03 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Đối chiếu với hồ sơ gốc; Dự thảo chứng chỉ hành nghề kiến trúc.</li> </ul>
B3	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	01 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào Quyết định và chứng chỉ.
B4	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Sở xem xét cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
B5	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển hồ sơ/chứng chỉ cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B6	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả: - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc
6	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;



---

- Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng ..... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân:  
Số.....ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại:.....Địa chỉ Email: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....
9. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):  
Số Chứng chỉ:.....ngày cấp ..... nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....

**Đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:**

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....

- Chứng chỉ bị mất, hỏng, rách
- Sai thông tin trên chứng chỉ:
- Khác: .....

Xin điều chỉnh thông tin ghi trên chứng chỉ:

.....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

<p><b>Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động kiến trúc trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.</li> <li>Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiến trúc và các pháp luật khác có liên quan.</li> <li>Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.</li> <li>Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.</li> <li>Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol> <p>(trang 4)</p>		<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----</p> <p><b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC</b></p> <p>Số: .....</p> <p><b>Cấp cho: Ông (bà)</b> .....</p> <p>(Ban hành theo Quyết định số: ... ngày...)</p> <p>(trang 1)</p>																															
<p><b>THÔNG TIN CÁ NHÂN</b></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content;"> <p>ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ</p> </div> <p>..... Chữ ký của người được cấp chứng chỉ</p> <p>Họ và Tên: .....</p> <p>Ngày tháng năm sinh .....</p> <p>Số CMND/CCCD/hộ chiếu: ..... cấp ngày .../.../..... tại.....</p> <p>Quốc tịch: .....</p> <p>Cơ sở đào tạo: .....</p> <p>Hệ đào tạo: .....</p> <p>Trình độ chuyên môn: .....</p> <p>(trang 2)</p>		<p>Nội dung được phép hành nghề kiến trúc</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Lĩnh vực hành nghề</th> <th>Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td>Từ ..... đến.....</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>8</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Tỉnh/Thành phố, ngày.../.../ .....</p> <p><b>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ</b> (Ký, họ và tên, đóng dấu)</p> <p>(trang 3)</p>	STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn	1		Từ ..... đến.....	T			3			4			5			6			7			8			9			
STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn																															
1		Từ ..... đến.....																															
T																																	
3																																	
4																																	
5																																	
6																																	
7																																	
8																																	
9																																	

**QUY TRÌNH****Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23. tháng 11. năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đơn đề nghị cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	02	Bản chính
3	Chứng chỉ (hoặc chứng nhận) tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục lĩnh vực kiến trúc do tổ chức xã hội nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc, cơ sở nghiên cứu đào tạo về kiến trúc cấp. Trường hợp tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục tại nước ngoài thì cần có văn bản, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh việc đã tham gia đó, được dịch ra tiếng Việt và công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.	01	Bản sao có chứng thực
4	Chứng chỉ hành nghề đã được cấp	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Lệ phí</b>
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, địa chỉ: 168 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	10 ngày (tương đương 07 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>150.000 đ</b> <i>(Một trăm, năm mươi nghìn đồng)</i> Theo Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài

		chính ngày 27/10/2016
--	--	-----------------------

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	0,5 ngày làm việc (Giờ hành chính)	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp nội dung điều chỉnh, bổ sung rõ ràng, chính xác, đầy đủ theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> </ul>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH -Pháp chế)	01 ngày làm việc (đối với hồ sơ không cần điều chỉnh bổ sung)	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả /văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc) tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</li> <li>- Chuyên viên xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ + Trường hợp hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			0,5 ngày làm việc (đối với hồ sơ cần điều chỉnh)		và thực hiện tiếp B3.1-B3.4. + Trường hợp hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung: tham mưu và thực hiện tiếp từ B4
B3	<b>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ</b>				
B3.1	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào văn bản dự thảo
B3.2	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét và ký ban hành văn bản.
B3.3	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã duyệt	Kiểm tra, lấy số, đóng dấu và chuyển văn bản yêu cầu bổ sung cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
B3.4	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	- Thông báo cho cá nhân nhận văn bản, lưu hồ sơ và chờ bổ sung, sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cá nhân không bổ sung hoặc bổ sung không

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					đầy đủ thì hồ sơ sẽ được chuyển cho bộ phận lưu trữ lưu hồ sơ. - Khi cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo yêu cầu thì <b>thực hiện quy trình từ B1.</b>
B4	<b>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, đủ điều kiện</b>				
B4.1	<b>Thẩm định, xét duyệt</b>	Hội đồng xét cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề Kiến trúc	1,5 ngày làm việc	Lập biên bản kết quả đánh giá hồ sơ	Chuyên viên trình hồ sơ cá nhân có yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề để các Thành viên Hội đồng xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ
B4.2	<b>Dự thảo Quyết định và chứng chỉ hành nghề kiến trúc</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH -Pháp chế)	1,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Chuyên viên thụ lý dự thảo Quyết định và chứng chỉ hành nghề kiến trúc trình lãnh đạo phòng ký nháy.
B4.3	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào Quyết định và chứng chỉ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4.4	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả BM 05 và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Sở xem xét, ký Quyết định và chứng chỉ hành nghề kiến trúc
B4.5	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển hồ sơ/chứng chỉ cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B4.6	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả: - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.



4	BM 04	Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	BM 05	Chứng chỉ hành nghề kiến trúc
6	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... .., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP/GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân:  
Số ..... ngày cấp: ..... nơi cấp .....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại: ..... Địa chỉ Email: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành)*: .....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp / gia hạn chứng chỉ hành nghề: ..... năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):  
Số Chứng chỉ: ..... ngày cấp ..... nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....
11. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: ... Nhóm dự án/: ..... Loại công trình: ..... Chức danh/Nội dung công thực hiện: .....	

			2.....	
2				

## 12. Quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục (điểm CPD)\*

STT	Thời gian	Hoạt động Phát triển nghề nghiệp liên tục	Điểm CPD	Ghi chú
1	Năm.....	Viết bài trên tạp chí kiến trúc số .....	01	
2	Năm.....	Tham gia học cao học	01	
		<b>Tổng số điểm CPD tích lũy</b>	<b>20</b>	

**Đề nghị cấp / gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Xác nhận của cơ quan,  
tổ chức, đơn vị công tác<sup>(2)</sup>**  
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày .... / .... / ....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

<p><b>Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động kiến trúc trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.</li> <li>2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiến trúc và các pháp luật khác có liên quan.</li> <li>3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.</li> <li>4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.</li> <li>5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol> <p style="text-align: center;"><i>(trang 4)</i></p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----</p> <p style="text-align: center;"><b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC</b></p> <p>Số: .....</p> <p style="text-align: center;"><b>Cấp cho: Ông (bà)</b> .....</p> <p style="text-align: center;"><i>(Ban hành theo Quyết định số: ... ngày...)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 1)</i></p>																														
<p style="text-align: center;"><b>THÔNG TIN CÁ NHÂN</b></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-bottom: 10px;"> <p style="text-align: center;"><i>ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ</i></p> </div> <p style="text-align: center;">..... <i>Chữ ký của người được cấp chứng chỉ</i></p> <p>Họ và Tên: .....</p> <p>Ngày tháng năm sinh .....</p> <p>Số CMND/CCCD/hộ chiếu: ..... cấp ngày .../.../..... tại.....</p> <p>Quốc tịch: .....</p> <p>Cơ sở đào tạo: .....</p> <p>Hệ đào tạo: .....</p> <p>Trình độ chuyên môn: .....</p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 2)</i></p>	<p>Nội dung được phép hành nghề kiến trúc</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Lĩnh vực hành nghề</th> <th style="width: 50%;">Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td></td> <td>Từ ..... đến.....</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>4</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>5</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>6</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>7</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>8</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>9</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">Tỉnh/Thành phố, ngày.../.../ .....</p> <p style="text-align: center;"><b>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ</b> <i>(Ký, họ và tên, đóng dấu)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 3)</i></p>	STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn	1		Từ ..... đến.....	T			3			4			5			6			7			8			9		
STT	Lĩnh vực hành nghề	Thời hạn																													
1		Từ ..... đến.....																													
T																															
3																															
4																															
5																															
6																															
7																															
8																															
9																															

**QUY TRÌNH**

**Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	02	Bản chính
3	Văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam	01	Bản sao
4	Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.	01	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, địa chỉ: 168 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	10 ngày (tương đương 07 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>300.000 đ</b> (Ba trăm nghìn đồng) Theo Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/10/2016

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	0,5 ngày làm việc (Giờ hành chính)	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Tiếp nhận, Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp nội dung điều chỉnh, bổ sung rõ ràng, chính xác, đầy đủ theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> </ul>	
B2	<b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	01 ngày làm việc (đối với hồ sơ không cần điều chỉnh bổ sung)	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả /văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc) tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</li> <li>- Chuyên viên xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ + Trường hợp hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			0,5 ngày làm việc (đối với hồ sơ cần điều chỉnh)		<b>và thực hiện tiếp B3.1-B3.4.</b> + Trường hợp hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung: tham mưu và <b>thực hiện tiếp từ B4</b>
B3	<b>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ</b>				
B3.1	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào văn bản dự thảo
B3.2	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét và ký ban hành văn bản.
B3.3	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Mục I, Dự thảo Văn bản yêu cầu bổ sung và hồ sơ liên quan	Kiểm tra, lấy số, đóng dấu và chuyển văn bản yêu cầu bổ sung cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
B3.4	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		Văn bản yêu cầu bổ sung	- Thông báo cho cá nhân nhận văn bản, lưu hồ sơ và chờ bổ sung, sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	<b>đôi</b>				sơ mà cá nhân không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ sẽ được chuyển cho bộ phận lưu trữ lưu hồ sơ. - Khi cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo yêu cầu thì <b>thực hiện quy trình từ B1.</b>
B4	<b>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, đủ điều kiện</b>				
B4.1	<b>Dự thảo văn bản công nhận</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	02 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Dự thảo văn bản công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam, trình lãnh đạo phòng.
B5	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	01 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào dự thảo văn bản
B6	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	2 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Sở xem xét ký văn bản công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam.
B7	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư - Sở Quy hoạch -	0,5 ngày làm	Hồ sơ đã được phê duyệt	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển hồ sơ/Văn bản công nhận chứng chỉ



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		Kiến trúc	việc		hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả: - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số: BM 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Quốc tịch: .....
4. Hộ chiếu số:.....ngày cấp:..... nơi cấp:.....
5. Số điện thoại:.....
6. Địa chỉ Email:.....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng): .....
10. Chứng chỉ hành nghề số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....
11. Thời hạn: .....
12. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/đề án: ..... Nhóm dự án: ..... Loại công trình : ..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:	
2				
....				

**Đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc với các nội dung sau:**

Lĩnh vực hoạt động: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**QUY TRÌNH****Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3991/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng	02	Bản chính
3	Văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam	01	Bản sao
4	Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.	01	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Sở Quy hoạch - Kiến trúc, địa chỉ: 168 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	10 ngày (tương đương 07 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<b>300.000 đ</b> (Ba trăm nghìn đồng) Theo Thông tư số 172/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/10/2016

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	0,5 ngày làm việc (Giờ hành chính)	Mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp nội dung điều chỉnh, bổ sung rõ ràng, chính xác, đầy đủ theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> </ul>
B2	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	01 ngày làm việc (đối với hồ sơ không cần điều chỉnh bổ sung)	Mục I BM 01 Dự thảo kết quả /văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc) tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.</li> <li>- Chuyên viên xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ cần điều chỉnh, bổ</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			0,5 ngày làm việc (đối với hồ sơ cần điều chỉnh)		sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung và <b>thực hiện tiếp B3.1-B3.4.</b> + Trường hợp hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung: tham mưu và <b>thực hiện tiếp từ B4</b>
B3	<b>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ</b>				
B3.1	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	0,5 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào văn bản dự thảo
B3.2	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung	Lãnh đạo Sở xem xét và ký ban hành văn bản.
B3.3	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	0,5 ngày làm việc	Mục I, Dự thảo Văn bản yêu cầu bổ sung và hồ sơ liên quan	Kiểm tra, lấy số, đóng dấu và chuyển văn bản yêu cầu bổ sung cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
B3.4	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ	- Thông báo cho cá nhân nhận văn bản, lưu hồ sơ và chờ bổ sung, sau 30 ngày kể từ ngày

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	đôi			sung	<p>thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cá nhân không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ sẽ được chuyển cho bộ phận lưu trữ lưu hồ sơ.</p> <p>- Khi cá nhân điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo yêu cầu thì <b>thực hiện quy trình từ B1.</b></p>
B4	<b>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, đủ điều kiện</b>				
B4.1	<b>Dự thảo văn bản chuyển đổi</b>	Chuyên viên phụ trách công tác cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Phòng QLTHQH-Pháp chế)	02 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Dự thảo văn bản chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam, trình lãnh đạo phòng.
B4.2	<b>Xem xét, duyệt hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng	01 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Phòng xem xét ký nháy vào dự thảo văn bản
B4.3	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở Quy hoạch - Kiến trúc	2 ngày làm việc	Mục I, BM 01 Dự thảo kết quả và hồ sơ liên quan	Lãnh đạo Sở xem xét ký văn bản chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam.



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4.4	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư - Sở Quy hoạch - Kiến trúc	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyet	Kiểm tra, cấp số, đóng dấu và chuyển hồ sơ/Văn bản chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B4.5	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả: - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
	//	Thành phần hồ sơ theo Mục I
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4	BM 04	Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

## **VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Căn cứ Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ Xây dựng về công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Mẫu số: BM 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Quốc tịch: .....
4. Hộ chiếu số:.....ngày cấp:..... nơi cấp:.....
5. Số điện thoại:.....
6. Địa chỉ Email:.....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng): .....
10. Chứng chỉ hành nghề số:..... ngày cấp:..... nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động: .....
11. Thời hạn: .....
12. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/đề án: ..... Nhóm dự án: ..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: .....	
2				
....				

**Đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc với các nội dung sau:**

Lĩnh vực hoạt động: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng